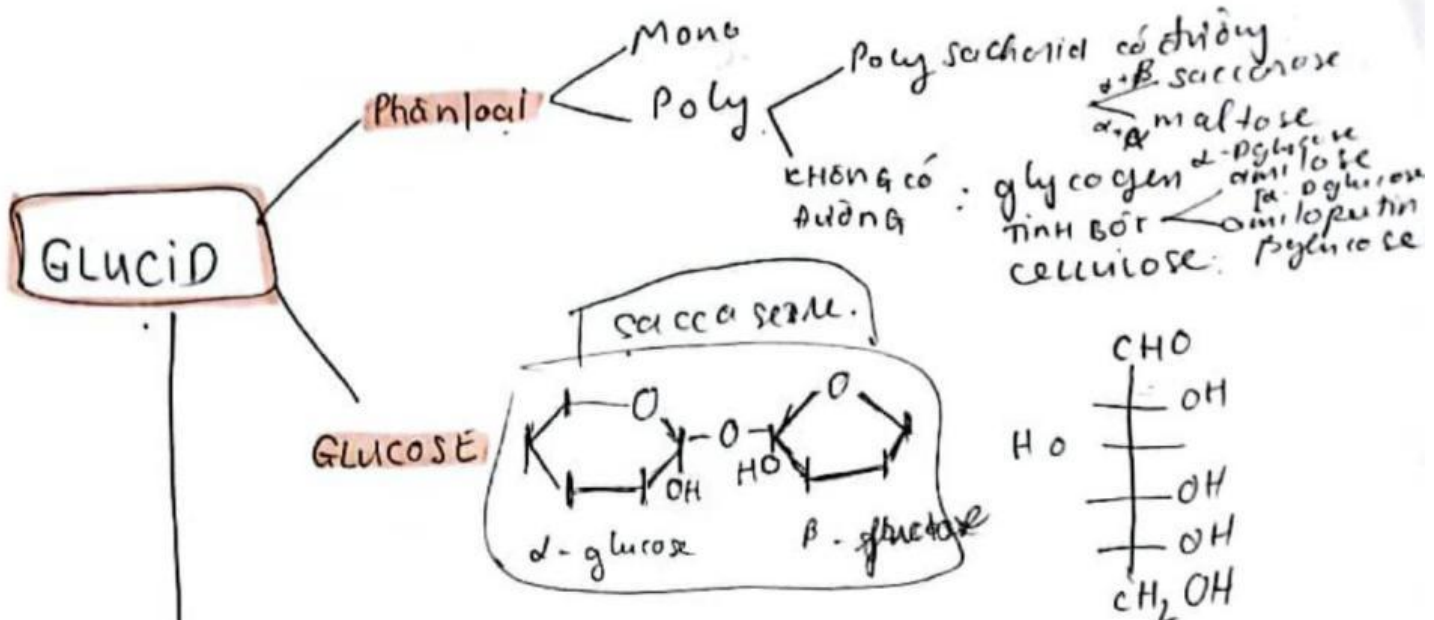


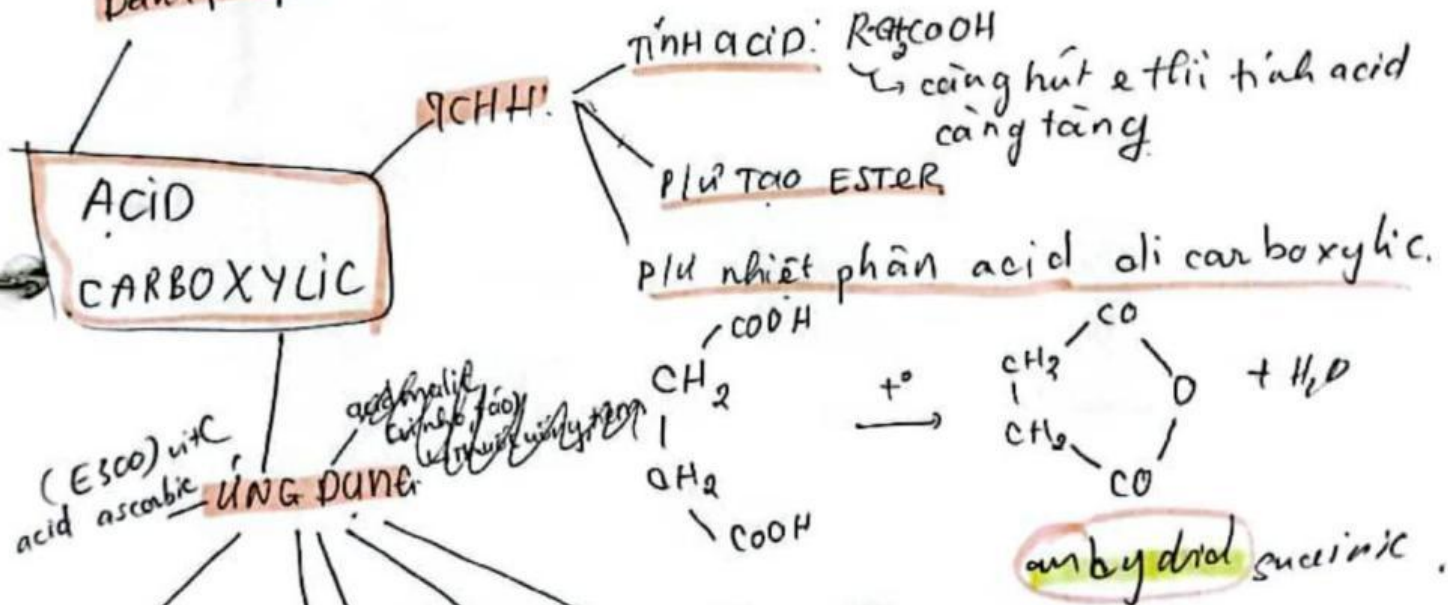
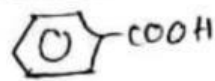


Ứng dụng:

- Trong hoa quả; trong máu
- Thuốc tạo lực
- Pha: huyết thanh; dd truyền

Danh pháp

- acid formic
- acid methanoic
- acid benzoic
- acid benzenecarboxylic



ỨNG DỤNG

- (E300) vit C acid ascorbic
- acid acetic (E260) (giấm ăn)
 - dùng làm tổng hợp thuốc chất thơm phẩm nhuộm
- acid béo
- acid oxalic (E210) (khế, me, cây bó xôi, cần tây)
 - Trong cơ thể: sỏi canxi
- acid benzoic (E210)
 - kích thích niêm mạc, gây ho
- acid succinic
- acid fumaric (E297)
 - sắt trùng
 - trong nước
 - trong TB động vật
 - trong thực phẩm
 - chuyển hóa carb

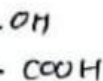
ESTER

ứng dụng

D.E.P (diethyl phthalat) → chứa **ghe**

METHYL SALICYLAT → xoa ngấm da, giảm đau cơ

HYDROXY ACID



Một số **phân chất**

phân acid $R(OH)(COOH)$

phân **gây mẩn**
α hydroxy acid

gây đau mẩn → ALDEHYD

gây ngứa mẩn → KETON

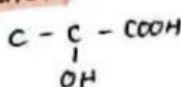
Tạo phức
Fe³⁺

phenol < lactic < salicylic < oxalic
phân loại vàng phân tích vàng

ESTER HOÁ HỖI PHÂN TỬ → tạo vòng

ứng dụng

LACTIC

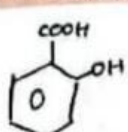


phân huỷ GLYCEROL → L(+): tích trong cơ

benzen Bacillus acidilactici DC(-)

Bacillus lactic acidilactici Bacillus delbrueckii RACEMIC chứa tiêu chảy KIDS

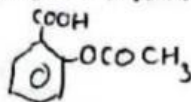
SALICYLIC



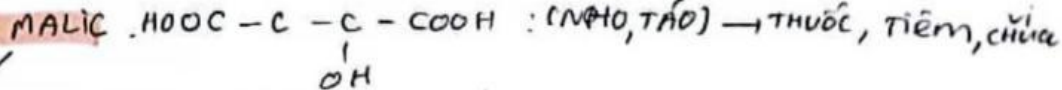
NATRI SALICYLAT: giảm đau hạ sốt

METHYL SALICYLAT: xoa bóp ngoài da giảm đau

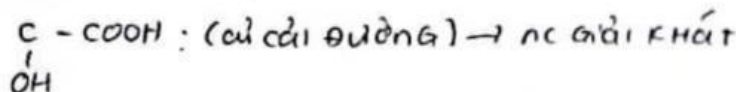
ACID ACETYL SALICYLIC - **ASPIRIN** giảm đau hạ sốt



MALIC



GLYCUBIC



CITRIC

GIẢI KHÁT
GIẢI ĐỘC KIỀM
CHẾNG ĐÔNG MÁU
LÀM TON SỎI THÂN ĐỒ

